

ĐỀ KIỂM TRA HỌC KÌ 1 – ĐỀ 6

Họ và tên:

Lớp:

Môn: Toán – Lớp 4

Bộ sách: Kết nối tri thức

Thời gian làm bài: 40 phút

I. TRẮC NGHIỆM (Khoanh vào chữ cái đặt trước câu trả lời đúng)**Câu 1.** Số 134 095 314 đọc là:

- A. Một trăm ba mươi tư triệu không trăm chín mươi lăm nghìn ba trăm mười bốn.
 B. Một trăm ba tư triệu chín mươi lăm nghìn ba trăm mười bốn.
 C. Một trăm ba mươi tư triệu không trăm chín mươi năm nghìn ba trăm mười bốn.
 D. Một trăm ba tư triệu không trăm chín mươi lăm nghìn ba trăm mười bốn.

Câu 2. Trong số 5 148 627, chữ số 6 thuộc:

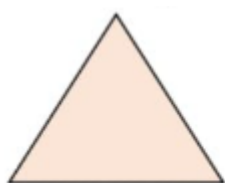
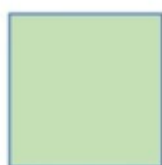
- A. Hàng chục nghìn, lớp nghìn
 B. Hàng nghìn, lớp nghìn
 C. Hàng trăm, lớp đơn vị
 D. Hàng triệu, lớp triệu

Câu 3. Bác Hồ sinh năm 1890, năm đó thuộc thế kỉ:

- A. XVII B. XVIII C. XIX D. XX

Câu 4. Trong số 2 815 794, giá trị của chữ số 8 hơn giá trị của chữ số 1 số đơn vị là:

- A. 7 đơn vị B. 790 000 đơn vị
 C. 79 000 đơn vị D. 7 900 đơn vị

Câu 5. Hình có diện tích lớn nhất là:A. $2m^2 3cm^2$ B. $200dm^2 30mm^2$ C. $2m^2 3dm^2$ **Câu 6.** Cân nặng của con mèo (như bức tranh dưới đây) là:

- A. 7 kg B. 4 kg C. 19 kg D. 5 kg

II. TỰ LUẬN

Câu 1. Đặt tính rồi tính

$182\ 555 + 74\ 829$

$956\ 328 - 273\ 509$

$85\ 579 : 5$

$17\ 219 \times 4$

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

Câu 2. >; <; =?

$7\ \text{tấn } 650\ \text{kg} \dots\dots 21\ 645\ \text{kg} : 3$

$2\ \text{m}^2\ 45\ \text{dm}^2 \dots\dots 170\ \text{dm}^2 + 75\ \text{dm}^2$

$6\ \text{tấn } 18\ \text{yến} \dots\dots 3\ 125\ \text{kg} \times 2$

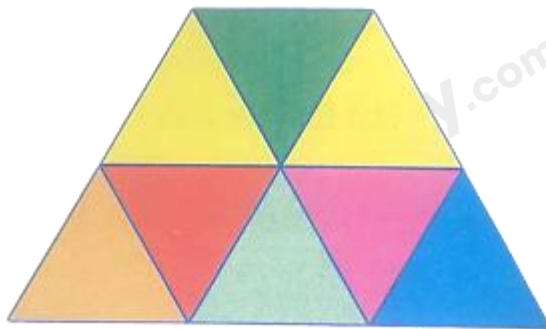
$2\ 060\ \text{cm}^2 \times 5 \dots\dots 1\ \text{m}^2\ 800\ \text{cm}^2$

Câu 3. Số?

Hình vẽ bên có:

..... hình bình hành

..... hình thoi



Câu 4. Một tấm gỗ hình chữ nhật có chu vi là 36 dm. Chiều dài của tấm gỗ hơn chiều rộng 6 dm.

Tính chiều dài, chiều rộng của tấm gỗ đó.

.....

Câu 5. Tính bằng cách thuận tiện nhất.

$1 + 3 + 5 + 7 + 9 + 11 + 13 + 15 + 17 + 19$

HƯỚNG DẪN GIẢI CHI TIẾT**I. TRẮC NGHIỆM**

Câu 1. Số 134 095 314 đọc là:

- A. Một trăm ba mươi tư triệu không trăm chín mươi lăm nghìn ba trăm mười bốn.
- B. Một trăm ba tư triệu chín mươi lăm nghìn ba trăm mười bốn.
- C. Một trăm ba mươi tư triệu không trăm chín mươi năm nghìn ba trăm mười bốn.
- D. Một trăm ba tư triệu không trăm chín mươi lăm nghìn ba trăm mười bốn.

Phương pháp

Dựa vào cách đọc số có tới ba chữ số theo từng lớp, lần lượt từ lớp triệu, lớp nghìn, lớp đơn vị.

Lời giải

Số 134 095 314 đọc là: Một trăm ba mươi tư triệu không trăm chín mươi lăm nghìn ba trăm mười bốn.

Đáp án: A

Câu 2. Trong số 5 148 627, chữ số 6 thuộc:

- A. Hàng chục nghìn, lớp nghìn
- B. Hàng nghìn, lớp nghìn
- C. Hàng trăm, lớp đơn vị
- D. Hàng triệu, lớp triệu

Phương pháp

Xác định hàng và lớp của chữ số 6 trong số đã cho

Lời giải

Chữ số 6 trong số 5 148 627 thuộc hàng hàng trăm, lớp đơn vị.

Đáp án: C

Câu 3. Bác Hồ sinh năm 1890, năm đó thuộc thế kỉ:

- A. XVII
- B. XVIII
- C. XIX
- D. XX

Phương pháp

Từ năm 1801 đến năm 1900 thuộc thế kỉ XIX

Lời giải

Bác Hồ sinh năm 1890, năm đó thuộc thế kỉ: XIX

Đáp án: C

Câu 4. Trong số 2 815 794, giá trị của chữ số 8 hơn giá trị của chữ số 1 số đơn vị là:

- A. 7 đơn vị
- B. 790 000 đơn vị
- C. 79 000 đơn vị
- D. 7 900 đơn vị

Phương pháp

Xác định giá trị của chữ số 8 và chữ số 1 trong số đã cho để trả lời câu hỏi

Lời giải

Chữ số 8 trong số 2 815 794 có giá trị là 800 000

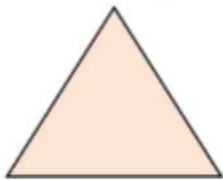
Chữ số 1 trong số 2 815 794 có giá trị là 10 000

Trong số 2 815 794, giá trị của chữ số 8 hơn giá trị của chữ số 1 số đơn vị là:

$$800\ 000 - 10\ 000 = 790\ 000$$

Đáp án: B

Câu 5. Hình có diện tích lớn nhất là:

A. $2m^2\ 3cm^2$ B. $200dm^2\ 30mm^2$ C. $2m^2\ 3dm^2$ **Phương pháp**

Đổi về cùng một đơn vị rồi so sánh diện tích các hình.

Lời giải

$$\text{Đổi: } 200dm^2\ 30\ mm^2 = 2m^2\ 30\ mm^2$$

$$\text{Ta có } 30\ mm^2 < 3\ cm^2 < 3\ dm^2$$

$$\text{Vậy } 2m^2\ 3dm^2 > 2m^2\ 3\ cm^2 > 200\ dm^2\ 30\ mm^2$$

Đáp án: C

Câu 6. Cân nặng của con mèo (như bức tranh dưới đây) là:



A. 7 kg

B. 4 kg

C. 19 kg

D. 5 kg

Phương pháp

- Từ bức tranh bên trái xác định tổng cân nặng của chó và mèo

- Cân nặng của con mèo = (tổng – hiệu) : 2

Lời giải

Hình bên phải ta có:

Cân nặng con chó - cân nặng con mèo = 15 kg

Hình bên trái ta có:

Cân nặng con mèo + cân nặng con chó = 15 kg + 8 kg = 23 kg

Cân nặng con mèo = 23 - 19 = 4 kg

Đáp án: B

II. TỰ LUẬN

Câu 1. Đặt tính rồi tính

182 555 + 74 829

956 328 - 273 509

85 579 : 5

17 219 × 4

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

Phương pháp

Đặt tính rồi tính theo các quy tắc đã học

Lời giải

$$\begin{array}{r} 182\ 555 \\ + 74\ 829 \\ \hline 257\ 384 \end{array}$$

$$\begin{array}{r} 956\ 328 \\ - 273\ 509 \\ \hline 682\ 819 \end{array}$$

$$\begin{array}{r} 85579 \overline{) 5} \\ 35 \overline{) 17115} \\ 05 \\ 07 \\ 29 \\ 4 \end{array}$$

$$\begin{array}{r} 17\ 219 \\ \times 4 \\ \hline 68\ 876 \end{array}$$

Câu 2. >; <; =?

7 tấn 650 kg 21 645 kg : 3

2 m² 45 dm² 170 dm² + 75 dm²

6 tấn 18 yên 3 125 kg × 2

2 060 cm² × 5 1 m² 800 cm²

Phương pháp

- Thực hiện tính và đổi về một đơn vị đo

- Điền dấu thích hợp

Lời giải

$$7 \text{ tấn } 650 \text{ kg} > 21 \text{ } 645 \text{ kg} : 3$$

$$6 \text{ tấn } 18 \text{ yến} < 3 \text{ } 125 \text{ kg} \times 2$$

$$2 \text{ m}^2 \text{ } 45 \text{ dm}^2 = 170 \text{ dm}^2 + 75 \text{ dm}^2$$

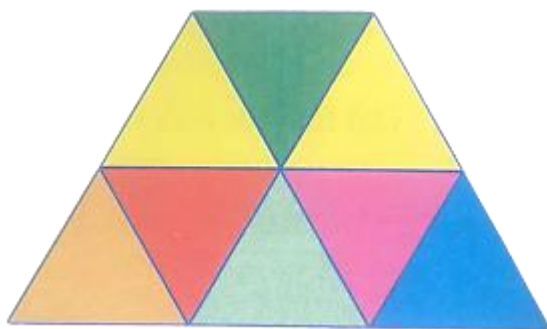
$$2 \text{ } 060 \text{ cm}^2 \times 5 < 1 \text{ m}^2 \text{ } 800 \text{ cm}^2$$

Câu 3. Số?

Hình vẽ bên có:

..... hình bình hành

..... hình thoi

**Phương pháp**

Quan sát hình vẽ để đếm số hình thoi và hình bình hành.

Lời giải

Hình vẽ bên có:

12 hình bình hành

8 hình thoi

Câu 4. Một tấm gỗ hình chữ nhật có chu vi là 36 dm. Chiều dài của tấm gỗ hơn chiều rộng 6 dm.

Tính chiều dài, chiều rộng của tấm gỗ đó.

Phương pháp

- Tìm nửa chu vi của tấm gỗ
- Tìm chiều dài và chiều rộng theo bài toán tìm hai số khi biết tổng và hiệu của hai số

Lời giải

Tổng chiều dài và chiều rộng của tấm gỗ là:

$$36 : 2 = 18 \text{ (dm)}$$

Chiều dài của tấm gỗ là:

$$(18 + 6) : 2 = 12 \text{ (dm)}$$

Chiều rộng của tấm gỗ là:

$$18 - 12 = 6 \text{ (dm)}$$

Đáp số: Chiều dài 12 dm

Chiều rộng 6 dm

Câu 5. Tính bằng cách thuận tiện nhất.

$$1 + 3 + 5 + 7 + 9 + 11 + 13 + 15 + 17 + 19$$

Phương pháp

Áp dụng tính chất giao hoán, kết hợp của phép cộng để nhóm các số có tổng là số tròn chục.

Lời giải

$$\begin{aligned} & 1 + 3 + 5 + 7 + 9 + 11 + 13 + 15 + 17 + 19 \\ &= (1 + 19) + (3 + 17) + (5 + 15) + (7 + 13) + (9 + 11) \\ &= 20 + 20 + 20 + 20 + 20 \\ &= 20 \times 5 \\ &= 100 \end{aligned}$$